

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Chính sách của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NDD-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 105/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026; Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ chính sách của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nhấn mạnh yêu cầu khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (trong đó nhấn mạnh thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, chính quyền số...).

Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XIII) về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong đó giao nhiệm vụ rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đo lường theo hướng thống nhất, đồng bộ, hội nhập quốc tế, dựa trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật hiện đại, công nghệ số và mô hình quản trị thông minh; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tiếp tục kiện toàn tổ chức hoạt động cơ quan tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng chỉ một đầu mối cấp quốc gia để quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thống nhất từ Trung ương đến địa phương; phát triển các tổ chức công nhận quốc gia, tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc gia, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm quốc gia, tổ chức năng suất quốc gia để thực hiện cơ chế trọng tài phục vụ công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong phạm vi cả nước, đáp ứng yêu cầu và thông lệ quốc tế.

Nghị quyết 154/NQ-CP năm 2025 ngày 31/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 đạt trên 8% trở lên, trong đó nhấn mạnh yêu cầu “Đẩy mạnh các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó ưu tiên triển khai mạnh mẽ hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với công nghiệp 4.0, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tập trung thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế; tăng cường năng lực xử lý đơn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai ứng dụng rộng rãi các giải pháp, công nghệ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình”;

Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương gắn

với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm, bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu; đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, của pháp luật, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ Nhân dân.

Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ ban hành về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, trong đó nêu rõ mục tiêu *“Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.”*; *100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ...*”;

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị ban hành về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó yêu cầu: *“Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”*”.

Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó đã đặt ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách là: *“Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật...giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế "xin - cho", tư duy "không quản được thì cấm"”* và *“Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp. Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính... Trong năm 2025, hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo”*.

Nghị quyết số 105/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về Chương trình lập pháp năm 2026. Tại khoản 2

Điều 1, quyết nghị: Trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026) đối với 21 dự án luật, trong đó có dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong đó có nhấn mạnh đến nhiệm vụ “Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo”.

Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) được giao chủ trì soạn thảo dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường thời hạn trình Chính phủ tháng 5/2026, thời hạn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tháng 10/2026 (tại số thứ tự 9 mục II Bản phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026).

Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, việc sửa đổi Luật Đo lường là cần thiết trong bối cảnh Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua. Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, mở ra nhiều cơ hội đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý.

Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường là yêu cầu cấp bách nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật quốc gia.

Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, việc sửa đổi Luật Đo lường cần được đặt trong tổng thể phát triển Hạ tầng chất lượng quốc gia. Theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sửa đổi), Hạ tầng chất lượng quốc gia bao gồm các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận và các chính sách, quy định có liên quan, phát triển theo hướng tập trung, thống nhất, hiện đại, hội nhập quốc tế và dựa trên nền tảng công nghệ số.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Đo lường số 04/2011/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/7/2012 là văn bản pháp lý nền tảng, tạo khuôn khổ cho quản lý nhà nước về đo lường và phát triển hạ tầng đo lường quốc gia. Kể từ khi Luật Đo lường được ban hành, Luật đã góp phần quan trọng vào việc bảo đảm tính chính xác của phép đo, hỗ trợ quản lý thị trường, bảo vệ người tiêu dùng, nâng cao năng lực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, nhiều quốc gia đã và đang chuẩn bị sửa đổi luật đo lường hiện hành cho phù hợp với thực tiễn, đặc biệt là những quy định về đo lường đối với quản trị quốc gia hay việc ứng dụng các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ chuỗi khối (blockchain), trí tuệ nhân tạo (AI) giúp nâng cao độ chính xác của hệ thống đo lường, giám sát chất lượng dữ liệu đo lường, quản trị quốc gia cũng như hoạt động của nền kinh tế - xã hội, hỗ trợ đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu một cách hiệu quả. Luật Đo lường năm 2011 được xây dựng trong bối cảnh mô hình quản lý chủ yếu dựa trên hồ sơ giấy, kiểm soát thủ công và trọng tâm quản lý thiên về phương tiện đo. Sau hơn 14 năm thực thi, bối cảnh đã thay đổi căn bản bởi: chuyển đổi số, kinh tế số, yêu cầu quản lý theo dữ liệu và rủi ro; yêu cầu nâng cao năng lực đo lường phục vụ công nghệ mới, kinh tế xanh; yêu cầu giảm chi phí tuân thủ và cải cách thủ tục hành chính; yêu cầu phân cấp/phân quyền phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trước yêu cầu mới của thực tiễn, Luật Đo lường đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế đáng kể cả về lĩnh vực điều chỉnh, nội dung quy định và hiệu lực thực thi, cụ thể như sau:

a) Phương thức quản lý nhà nước chưa theo kịp môi trường số: dữ liệu đo lường chưa được tổ chức thành tài sản quản lý; thiếu nền tảng/cơ sở dữ liệu quốc gia để quản lý vòng đời phương tiện đo và khai thác dữ liệu cho thanh tra/kiểm tra theo rủi ro.

Luật chưa có quy định về đo lường trong môi trường số, nơi dữ liệu trở thành đối tượng chính của các phép đo. Các hoạt động như đo tốc độ truyền dữ liệu, độ trễ mạng, độ tin cậy hệ thống, chỉ số an ninh mạng, hiệu suất hạ tầng số chưa được luật thừa nhận là đối tượng cần đo lường, dẫn đến khoảng trống trong kiểm soát chất lượng hệ thống số và giao dịch điện tử.

Thực tế cho thấy, trong khi Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng đô thị thông minh, chính phủ số, thương mại điện tử, ngân hàng số..., việc thiếu cơ sở pháp lý về đo lường số có thể gây sai lệch dữ liệu, giảm độ tin cậy và gia tăng rủi ro trong các quyết định quản trị.

Nguyên nhân: Luật chưa theo kịp tiến trình chuyển đổi số quốc gia, chưa cập nhật, giải quyết các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số về đo lường, đo lường số, hiệu chuẩn từ xa, chứng chỉ hiệu chuẩn số,... và chưa tiếp cận đo lường như một công cụ kiểm soát chất lượng dữ liệu và hạ tầng số.

b) Năng lực hệ thống đo lường quốc gia và năng lực đo lường của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu mới: nhu cầu đo lường trong các lĩnh vực mới (AI, IoT, năng lượng mới, kinh tế xanh, tín chỉ carbon, đối tượng đo trong không gian số...) gia tăng nhanh; cơ chế huy động nguồn lực xã hội và vai trò doanh nghiệp chưa được phát huy đầy đủ theo tinh thần “doanh nghiệp là chủ thể”.

Luật hiện chủ yếu tập trung vào đo lường vật lý, chưa thể hiện rõ về đo lường công nghiệp cho phát triển kinh tế quốc gia cũng như hoạt động của nền kinh tế - xã hội, một số lĩnh vực đóng vai trò then chốt trong sản xuất thông minh như: công nghiệp chế biến - chế tạo; công nghệ cao; dịch vụ kỹ thuật và đời sống hàng ngày. Điều này tạo ra khoảng trống pháp lý khiến nhiều hoạt động đo lường thực tiễn không có cơ sở pháp lý rõ ràng để thúc đẩy phát triển, thực hiện hoặc quản lý.

Các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, đo hiệu suất pin, đo khí thải nhà kính, đo các chỉ số sức khỏe trong y tế từ xa... đều cần nền tảng đo lường chính xác, tin cậy, nhưng hiện nay chưa được luật điều chỉnh cụ thể, gây lúng túng cho cơ quan quản lý và khó khăn cho doanh nghiệp.

Nguyên nhân: Luật được xây dựng trong bối cảnh Việt Nam chưa chuyển mạnh sang mô hình kinh tế số, kinh tế xanh. Quan niệm về đo lường còn thiên về kỹ thuật truyền thống, chưa xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đa dạng và xu thế công nghệ mới.

Pháp luật hiện hành chưa có quy định rõ ràng về trách nhiệm và phương thức triển khai hệ thống đo lường nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức nơi sản sinh phần lớn các hoạt động sản xuất - kinh doanh. Đa số doanh nghiệp, tổ chức chỉ quan tâm đến kiểm định phương tiện đo bắt buộc, chưa có hệ thống đảm bảo đo lường toàn diện nhằm kiểm soát chất lượng và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp triển khai đo lường theo Quyết định 996/QĐ-TTg mới dừng lại ở mức khuyến khích, tự nguyện, chưa có công cụ pháp lý đủ mạnh để thúc đẩy áp dụng rộng rãi và bền vững. Chưa đẩy mạnh vai trò của doanh nghiệp, chưa thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp như một chủ thể trong hệ thống đo lường quốc gia.

Nguyên nhân: Luật Đo lường được xây dựng trong bối cảnh kinh tế số, kinh tế xanh chưa phát triển, tư duy đo lường còn thiên về kỹ thuật truyền thống, chưa bao quát các lĩnh vực, đối tượng đo mới. Cách tiếp cận chính sách chưa coi đo lường là công cụ nền tảng cho phát triển kinh tế, năng suất, chất lượng và đổi mới sáng tạo; chưa làm rõ vai trò của đo lường công nghiệp. Pháp luật chưa có quy định đầy đủ về đo lường trong môi trường số, các lĩnh vực mới và trách nhiệm xây dựng hệ thống đo lường nội bộ tại doanh nghiệp. Cơ chế huy động nguồn lực xã hội cho đo lường còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ vai trò của doanh nghiệp như một chủ thể của hệ thống đo lường quốc gia. Các chương trình hỗ trợ doanh

ng nghiệp chủ yếu mang tính khuyến khích, tự nguyện, chưa được luật hóa để tạo động lực áp dụng rộng rãi và bền vững.

c) Phân định thẩm quyền, thanh tra/kiểm tra và một số thủ tục còn bất cập: nguy cơ chồng chéo; quản lý còn dàn trải; một số điều kiện/ thủ tục không còn phù hợp thực tiễn, làm tăng chi phí tuân thủ (ví dụ thủ tục liên quan đấu định lượng; điều kiện tổ chức cung cấp dịch vụ).

Hiện nay, hệ thống pháp luật về bộ máy và thanh tra đã có những thay đổi mang tính cách mạng, tạo ra các yêu cầu cấp bách phải sửa đổi Luật Đo lường 2011: Sự thu hẹp của hệ thống Thanh tra: Theo Luật Thanh tra 2025, việc không còn Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở đồng nghĩa với việc cơ chế "Thanh tra chuyên ngành đo lường" theo cách cũ không còn tồn tại. Do đó, cần một cơ chế thực thi mới để đảm bảo các vi phạm về đo lường (vốn mang tính kỹ thuật sâu) vẫn được phát hiện và xử lý kịp thời.

Khoảng trống quản lý khi bỏ cấp huyện: Với việc không còn cấp chính quyền huyện và phòng chuyên môn cấp huyện, toàn bộ hoạt động kiểm tra đo lường tại các chợ, điểm bán lẻ và doanh nghiệp trên địa bàn rộng lớn sẽ dồn lên cấp tỉnh hoặc chuyển xuống cấp xã. Nếu không có quy định mới về phân quyền và phương thức kiểm tra, hệ thống quản lý sẽ bị quá tải hoặc đình trệ tại cơ sở.

Thực tế triển khai thực hiện các quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, về lượng của hàng đóng gói sẵn thời gian qua cho thấy có một số bất cập, một số quy định về điều kiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm gây cản trở việc xã hội hóa hoạt động này, một số thủ tục hành chính về lượng của hàng đóng gói sẵn không còn phù hợp.

Mặt khác, theo Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025, ngành kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường không còn thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

Nguyên nhân: Luật Đo lường năm 2011 được xây dựng trên mô hình tổ chức bộ máy và thanh tra cũ, không còn phù hợp với các thay đổi căn bản về tổ chức thanh tra theo Luật Thanh tra năm 2025, làm phát sinh khoảng trống trong cơ chế thực thi và xử lý vi phạm về đo lường. Quy định về phân định thẩm quyền quản lý, thanh tra, kiểm tra chưa được thiết kế theo mô hình chính quyền địa phương mới, đặc biệt trong bối cảnh không còn cấp huyện, dẫn đến nguy cơ chồng chéo, quá tải hoặc đình trệ trong quản lý ở cơ sở. Một số quy định về điều kiện, thủ tục trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và quản lý lượng của hàng đóng gói sẵn không còn phù hợp với thực tiễn, làm tăng chi phí tuân thủ và hạn chế xã hội hóa dịch vụ đo lường. Pháp luật chuyên ngành cần được rà soát, điều chỉnh kịp thời để bảo đảm việc loại bỏ dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử

nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường ra khỏi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không xảy ra khoảng trống pháp lý.

3. Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

Việc sửa đổi, bổ sung Luật Đo lường là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh khoa học – công nghệ phát triển nhanh, chuyển đổi số diễn ra sâu rộng và hội nhập quốc tế ngày càng toàn diện. Nhiều quốc gia đã kịp thời hoàn thiện pháp luật đo lường nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Một số kinh nghiệm quốc tế tiêu biểu có thể tham khảo như sau:

Liên minh châu Âu (EU)

Liên minh châu Âu đã điều chỉnh pháp luật đo lường theo hướng hiện đại và linh hoạt nhằm đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số. Tại Liên minh châu Âu (EU), pháp luật đo lường được định hướng theo mô hình “hướng tới tương lai” (future-proof), gắn chặt với chiến lược thị trường số và đổi mới sáng tạo. EU chú trọng xây dựng hạ tầng đo lường số hóa, tiêu biểu là sáng kiến European Metrology Cloud, cho phép số hóa dữ liệu đo, chứng nhận điện tử, truy xuất nguồn gốc và giám sát từ xa. Thông qua các hướng dẫn của WELMEC, EU từng bước tích hợp các yêu cầu pháp lý đối với phần mềm đo, an ninh dữ liệu và tính toàn vẹn của kết quả đo, qua đó mở rộng phạm vi pháp luật đo lường sang các hệ thống đo dựa trên phần mềm và nền tảng số, đồng thời thúc đẩy công nhận lẫn nhau trong thị trường chung.

Hoa Kỳ

Hoa Kỳ tổ chức hệ thống đo lường pháp định theo mô hình phân quyền, trong đó Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia (National Institute of Standards and Technology - NIST) cung cấp chuẩn đo lường và hướng dẫn kỹ thuật, còn Hội đồng Quốc gia về Cân Đo (National Council on Weights and Measures – NCWM) và các bang thực hiện phê duyệt kiểu và kiểm tra thị trường. Trong bối cảnh Công nghiệp 4.0, Hoa Kỳ hướng tới số hóa toàn diện đo lường pháp định, phát triển hạ tầng dữ liệu đo lường và tích hợp IoT, phần mềm và hệ thống thông minh vào hoạt động phê duyệt kiểu và kiểm định.

Pháp luật đo lường của Hoa Kỳ được mở rộng để bao quát cả phần mềm và dịch vụ số, đồng thời nhấn mạnh các yêu cầu về an ninh dữ liệu, truy xuất nguồn gốc và minh bạch kết quả đo, qua đó bảo đảm niềm tin thị trường và khả năng vận hành của các mô hình kinh doanh số.

Nhật Bản

Nhật Bản ban hành Luật Đo lường (Measurement Act) với mục tiêu thiết lập các tiêu chuẩn đo lường và bảo đảm việc thực hiện phép đo chính xác, qua đó góp phần phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng xã hội. Mục tiêu này được xác

định rõ trong Luật: *“The purpose of this Act is to establish standards of measurement and ensure execution of appropriate measurement, and thereby to contribute to economic development and cultural enhancement.”*

Pháp luật đo lường tại Nhật chú trọng chuẩn hóa, phê duyệt kiểu và truy nguyên hiệu chuẩn thông qua hệ thống JCSS (Japan Calibration Service System - Hệ thống Dịch vụ Hiệu chuẩn Nhật Bản), bảo đảm độ chính xác trong thương mại. Mặc dù chưa có quy định riêng về đo lường số, khung pháp lý đủ linh hoạt để tích hợp công nghệ cao và hài hòa quốc tế.

Trung Quốc

Trung Quốc ban hành Luật Đo lường của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa với vai trò là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động đo lường, nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống đơn vị đo, độ chính xác và độ tin cậy của giá trị đo, phục vụ phát triển sản xuất, thương mại, khoa học - công nghệ và hiện đại hóa xã hội. Luật Đo lường được xây dựng theo mô hình quản lý tập trung, Nhà nước kiểm soát chặt chẽ phương tiện đo và hệ chuẩn quốc gia. Trung Quốc đi đầu trong số hóa hoạt động đo lường, triển khai chứng chỉ hiệu chuẩn điện tử và cơ sở dữ liệu đo lường quốc gia.

Cộng hòa Liên bang Đức

Cộng hòa Liên bang Đức xây dựng hệ thống đo lường pháp định trên cơ sở Units and Time Act (Luật Đơn vị và Thời gian) và Measures and Verification Act (Luật Đo lường và Kiểm định) cùng các nghị định thi hành, nhằm quản lý toàn diện hoạt động đo lường và gắn chặt với khuôn khổ thị trường chung châu Âu.

Pháp luật đo lường mở rộng phạm vi điều chỉnh sang thiết bị đo thông minh, phần mềm và dữ liệu điện tử. Đức là quốc gia tiên phong luật hóa chứng chỉ hiệu chuẩn điện tử (DCC) và hài hòa sâu với tiêu chuẩn OIML, WELMEC.

Úc

Luật Đo lường được cải cách theo hướng quản lý dựa trên nguyên tắc, định hướng tương lai, giảm chi phí tuân thủ và khuyến khích đổi mới công nghệ. Pháp luật tạo dư địa pháp lý cho phương pháp đo mới và chuyển đổi số.

Hàn Quốc

Hàn Quốc điều chỉnh hoạt động đo lường pháp định chủ yếu thông qua Luật về Đo lường (Measures Act), được sửa đổi nhiều lần (gần nhất năm 2024), nhằm thiết lập tiêu chuẩn đo lường và bảo đảm phép đo chính xác trong thương mại. Hệ thống đo lường pháp định do Cơ quan Tiêu chuẩn và Công nghệ Hàn Quốc (KATS) quản lý, với Viện Nghiên cứu Tiêu chuẩn và Khoa học Hàn Quốc (KRISS) là Viện Đo lường Quốc gia, duy trì chuẩn đo lường phù hợp với hệ SI.

Mặc dù chưa có chương riêng về đo lường số, các sửa đổi gần đây đã tạo nền tảng cho việc cập nhật quy định kỹ thuật, triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý dữ liệu đo lường, đo thông minh và truy nguyên quốc tế, phù hợp với thông lệ của OIML và APLMF.

Trong khu vực ASEAN, các quốc gia như Singapore, Malaysia và Thái Lan tích cực hài hòa hóa pháp luật đo lường theo khuyến nghị của OIML và các khuôn khổ hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quản lý đo lường sang các lĩnh vực logistics, thương mại điện tử, môi trường và năng lượng tái tạo, phục vụ hội nhập khu vực và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Và hiện nay hầu hết các nước đều áp dụng hướng dẫn OIML D 31 vào Luật để quản lý "phần mềm đo lường". Quy định yêu cầu phần mềm phải được niêm phong số (digital seal) để ngăn chặn việc gian lận bằng cách can thiệp vào mã nguồn AI hoặc thuật toán xử lý dữ liệu.

Bài học cho Việt Nam: Các quốc gia phát triển đã xây dựng và phát triển hệ thống đo lường quốc gia một cách mạnh mẽ, lồng ghép đo lường ứng dụng vào chính sách đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm của EU trong xây dựng và thúc đẩy đo lường ứng dụng; của Mỹ trong ứng dụng chứng nhận kiểu tích hợp phần mềm, IoT và dữ liệu đám mây, đảm bảo an ninh dữ liệu và truy xuất nguồn gốc; của Nhật Bản trong tạo nền tảng cho hệ thống đo lường trong sản xuất công nghệ cao, tích hợp IoT, thiết bị thông minh và dữ liệu số; của Trung Quốc trong số hóa quản lý chứng chỉ, truy xuất nguồn gốc, tra cứu trực tuyến, rút ngắn thời gian kiểm định; của Đức - PTB phát triển công nghệ thông tin đo lường, quản lý thiết bị đo thông minh, phần mềm đo, chứng chỉ hiệu chuẩn số, dữ liệu điện tử, phối hợp quốc tế với WELMEC, OIML; của Hàn Quốc trong quy định các chương trình "Hỗ trợ kỹ thuật đo lường cho doanh nghiệp vừa và nhỏ" và của Úc cập nhật các quy trình và quy định để hỗ trợ công nghệ số trong đo lường.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích

Thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, và Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

Khẳng định rõ vai trò, vị thế của hoạt động đo lường trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và cuộc Cách mạng

công nghiệp lần thứ tư; góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;

Tạo lập khuôn khổ pháp lý để xử lý các điểm nghẽn thể chế, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, trong đó có hoạt động đo lường, nhằm kiến tạo các đột phá về năng suất, chất lượng và đổi mới sáng tạo;

Đẩy mạnh phân công, phân cấp gắn với hoàn thiện cơ sở pháp lý, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của các bộ, ngành, địa phương trong quản lý và phát triển hoạt động đo lường phù hợp với điều kiện thực tiễn từng vùng, miền.

2. Quan điểm

Luật Đo lường (sửa đổi) được xây dựng dựa trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

Thứ nhất, việc sửa đổi, bổ sung Luật Đo lường nhằm bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013;

Thứ hai, kịp thời thể chế hóa chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, giải pháp của Chính phủ về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Thứ ba, xây dựng khung pháp lý nhằm triển khai hoạt động quản lý nhà nước về đo lường, đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về đo lường, góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng.

Thứ tư, bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với vai trò kiến tạo của Nhà nước; tập trung vào các chính sách thúc đẩy hoạt động đo lường phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Thứ năm, bảo đảm quản lý nhà nước thông suốt, kế thừa các quy định đã thực thi ổn định, đồng thời bổ khuyết những khoảng trống pháp lý còn tồn tại. Mặt khác, bảo đảm tận dụng hiệu quả các cam kết quốc tế về thương mại, đầu tư mà Việt Nam là thành viên và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện thực tiễn trong nước.

Thứ sáu, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; phù hợp với các luật chuyên ngành như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Ban hành

văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bảo đảm Luật Đo lường (sửa đổi, bổ sung) đồng bộ với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi) và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sửa đổi), qua đó hoàn thiện khung pháp lý phát triển Hạ tầng chất lượng quốc gia; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu và hiện đại hóa phương thức quản lý dựa trên dữ liệu.

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường lần này được thực hiện trên cơ sở đổi mới căn bản tư duy quản lý nhà nước về đo lường, phù hợp với bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và yêu cầu xây dựng nền kinh tế số, kinh tế xanh, phát triển nhanh và bền vững.

Theo đó, hoạt động đo lường không chỉ là hoạt động kỹ thuật mang tính hỗ trợ, mà phải được xác định là hạ tầng tạo lập độ tin cậy và niềm tin cho nền kinh tế – xã hội, bảo đảm công bằng thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đồng thời trực tiếp hỗ trợ đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất và chất lượng.

Luật sửa đổi hướng tới chuyển dịch trọng tâm quản lý từ “phương tiện đo” sang “độ tin cậy của phép đo”, từ quản lý dựa trên kiểm soát thủ công sang quản lý dựa trên dữ liệu, nền tảng số và đánh giá rủi ro, trong đó doanh nghiệp được xác định là chủ thể trung tâm của hệ thống đo lường, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, xây dựng chuẩn mực, nền tảng và công cụ quản lý hiện đại.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi điều chỉnh

Về cơ bản, Luật Đo lường (sửa đổi) vẫn giữ nguyên phạm vi điều chỉnh của Luật Đo lường năm 2011 như sau: Luật này quy định về hoạt động đo lường; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường.

Tuy nhiên, hoạt động đo lường được khuyến khích mở rộng hơn đối với các lĩnh vực mới và yêu cầu về gắn kết đo lường với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, năng suất và chất lượng.

2. Đối tượng áp dụng

Luật Đo lường (sửa đổi) vẫn giữ nguyên đối tượng áp dụng của Luật Đo lường năm 2011 như sau: Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn, Bộ Khoa học và Công nghệ đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, cụ thể như sau:

1. Tổ chức tổng kết thực tiễn thi hành Luật Đo lường;
2. Lấy ý kiến, tham vấn chính sách Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban

nhân dân các tỉnh/thành phố, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Đo lường Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan; Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định;

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan

3. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ chính sách của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường tại văn bản số và giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Báo cáo thẩm định số) tại báo cáo số

4. Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Tờ trình số ... trình Chính phủ về hồ sơ chính sách dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường. Theo thông báo tại văn bản sốcủa Văn phòng Chính phủ, Thường trực Chính phủ đã thống nhất với sự cần thiết phải xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CỦA CHÍNH SÁCH

Luật sửa đổi được thiết kế theo hướng luật khung, mang tính nguyên tắc, bảo đảm:

- Ngắn gọn, ổn định, có tính dẫn dắt dài hạn;
- Tránh quy định chi tiết kỹ thuật dễ lạc hậu;
- Giao Chính phủ quy định chi tiết nhằm bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời thích ứng với sự thay đổi nhanh của công nghệ và thực tiễn quản lý.

Trên cơ sở bảo toàn cấu trúc cơ bản của Luật hiện hành, Luật sửa đổi mạnh dạn thể hiện tư duy quản lý mới, không chấp vá kỹ thuật từ Luật cũ, bảo đảm ngôn ngữ pháp lý phản ánh được tầm nhìn hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng không bị giới hạn bởi các mô hình quản lý truyền thống.

Để đạt được các mục tiêu sửa đổi, bổ sung Luật Đo lường như đã đặt ra ở trên, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Đo lường sẽ tập trung giải quyết 03 nhóm chính sách lớn, xuyên suốt toàn bộ nội dung của Luật, bao gồm: (1) Chính sách 1 tập trung tạo nền tảng chuyển đổi số toàn diện hoạt động đo lường - là chính sách trụ cột, xuyên suốt, quyết định phương thức quản lý mới; (2) Chính sách 2 Nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia; phát huy vai trò doanh nghiệp tham gia xây dựng năng lực hệ thống đo lường quốc gia; (3) Chính sách 3 Phân định thẩm quyền quản lý nhà nước về đo lường và điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với thực tiễn.

Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các chính sách cụ thể, có chính sách kế thừa, cụ thể hóa quy định hiện hành và có chính sách mới được đề xuất. Các chính sách cụ thể sau đây:

1. Chính sách 1: Chuyển đổi số toàn diện hoạt động đo lường

1.1. Mục tiêu:

Hiện đại hóa phương thức quản lý nhà nước về đo lường thông qua chuyển đổi số toàn diện; chuyển từ phương thức quản lý truyền thống dựa trên kiểm soát thủ công sang phương thức quản lý dựa trên dữ liệu đo lường, nền tảng số và đánh giá rủi ro, nhằm nâng cao tính minh bạch, thuận tiện, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Luật sửa đổi hướng tới xây dựng khung pháp lý tiên phong về chuyển đổi số hoạt động đo lường, chủ động định hình mô hình quản lý đo lường số trong bối cảnh phát triển kinh tế số và xã hội số.

1.2. Nội dung chính:

- Hình thành và phát triển các nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia về đo lường.
- Thực hiện định danh duy nhất và quản lý vòng đời phương tiện đo trên môi trường số.
- Thừa nhận giá trị pháp lý của hồ sơ, tem và chứng chỉ đo lường điện tử.
- Khai thác dữ liệu đo lường phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra theo mức độ rủi ro.
- Khai thác dữ liệu đo lường để hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng, đổi mới sáng tạo và quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.3. Giải pháp thực hiện:

Giải pháp 1:

Quy định trong Luật các nguyên tắc về xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu đo lường; giao Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về cơ sở dữ liệu quốc gia về đo lường, quy trình cập nhật, kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu; từng bước tích hợp, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan.

Giải pháp 2:

Chuyển đổi số từng phần hoạt động đo lường trên cơ sở thí điểm và văn bản dưới luật.

Giải pháp này không tạo được khung pháp lý thống nhất, ổn định và lâu dài cho chuyển đổi số hoạt động đo lường; phạm vi và mức độ chuyển đổi số còn hạn chế, tiếp tục duy trì song song nhiều phương thức quản lý, chưa giảm đáng kể chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và chưa đáp ứng yêu cầu quản lý dựa trên dữ liệu, đánh giá rủi ro trong bối cảnh phát triển kinh tế số.

Giải pháp 3: Giữ nguyên quy định hiện hành.

Giải pháp này không đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu thế phát triển, không khắc phục được các hạn chế, bất cập hiện nay của hệ thống pháp luật về đo lường

Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn **Giải pháp 1** với các lý do như sau:

- Phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; bảo đảm sự thống nhất với các luật có liên quan.
- Tạo cơ sở pháp lý để chuyển đổi phương thức quản lý nhà nước về đo lường từ thủ công sang quản lý dựa trên dữ liệu, nền tảng số và đánh giá rủi ro, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý.
- Nâng cao tính minh bạch, thuận tiện, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp thông qua việc thừa nhận hồ sơ, tem, chứng chỉ đo lường điện tử và quản lý vòng đời phương tiện đo trên môi trường số.
- Khai thác hiệu quả dữ liệu đo lường phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, đổi mới sáng tạo và quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Chính sách 2: Nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia; phát huy vai trò doanh nghiệp tham gia xây dựng năng lực hệ thống đo lường quốc gia

2.1. Mục tiêu:

Củng cố và nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế; huy động hiệu quả nguồn lực xã hội cùng Nhà nước đầu tư, vận hành hạ tầng đo lường quốc gia; đồng thời nâng cao năng lực tự bảo đảm đo lường của doanh nghiệp, coi doanh nghiệp là chủ thể trung tâm của hệ thống đo lường.

Hoạt động đo lường được xác định là hạ tầng kỹ thuật tạo lập độ tin cậy và niềm tin xã hội, phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

2.2. Nội dung chính:

- Đầu tư, nâng cao năng lực hệ thống chuẩn đo lường quốc gia và hạ tầng kỹ thuật đo lường.
- Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân lực làm công tác đo lường từ trung ương đến địa phương và tại doanh nghiệp.
- Tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về vai trò, vị trí của đo lường.

- Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đầu tư, cung ứng và vận hành các hoạt động đo lường.

- Ưu tiên nâng cao năng lực đo lường phục vụ công nghệ mới, năng lượng mới, nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược; phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; đáp ứng yêu cầu đo lường trong các lĩnh vực của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tín chỉ carbon và các đối tượng đo trong không gian số.

- Thúc đẩy gắn kết hoạt động đo lường với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, năng suất và chất lượng.

- Hoàn thiện cơ chế thừa nhận kết quả đo lường của nước ngoài trong trường hợp trong nước chưa đủ năng lực.

- Nâng cao năng lực tự bảo đảm đo lường của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm kiểm soát nội bộ, tuân thủ pháp luật, phòng ngừa rủi ro và trách nhiệm giải trình với người tiêu dùng.

2.3. Giải pháp thực hiện:

Giải pháp 1:

- Hoàn thiện các nguyên tắc hoạt động đo lường theo hướng bảo đảm độ tin cậy và niềm tin của xã hội.

- Bổ sung, sửa đổi chính sách của Nhà nước về đo lường theo hướng ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược, lĩnh vực mới và lĩnh vực có tác động lan tỏa lớn.

- Phân định rõ trách nhiệm quản lý giữa trung ương và địa phương; giảm chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra; ứng dụng dữ liệu đo lường trong quản lý theo mức độ rủi ro.

- Kết hợp biện pháp quản lý nhà nước với cơ chế khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đo lường.

Giải pháp 2: Tăng cường đầu tư Nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đo lường thông qua chương trình, dự án

Giải pháp này chưa tạo được **cơ sở pháp lý ổn định, lâu dài** để huy động nguồn lực xã hội và phát huy vai trò chủ thể của doanh nghiệp trong hệ thống đo lường quốc gia; Phụ thuộc nhiều vào ngân sách và chương trình hành chính, **tính bền vững và lan tỏa hạn chế**; Chưa khắc phục căn bản tình trạng dàn trải, chồng chéo trong quản lý và chưa thúc đẩy mạnh mẽ năng lực tự bảo đảm đo lường của doanh nghiệp.

Giải pháp 3: Giữ nguyên quy định hiện hành.

Giải pháp này không khắc phục được các hạn chế, bất cập hiện nay; không đáp ứng yêu cầu phát triển các lĩnh vực công nghệ mới và chưa phát huy vai trò doanh nghiệp trong hệ thống đo lường quốc gia.

Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn **Giải pháp 1** với các lý do như sau:

- Thể chế hóa đầy đủ vai trò của đo lường là hạ tầng kỹ thuật nền tảng tạo lập độ tin cậy và niềm tin xã hội, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ người tiêu dùng và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.
- Tạo cơ sở pháp lý để huy động hiệu quả nguồn lực xã hội cùng Nhà nước đầu tư, vận hành hạ tầng đo lường quốc gia; phát huy vai trò của doanh nghiệp là chủ thể tham gia xây dựng và nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia.
- Định hướng ưu tiên đầu tư, nâng cao năng lực đo lường cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược, lĩnh vực mới và các ngành có tác động lan tỏa lớn, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế số, kinh tế xanh.
- Khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải trong quản lý thông qua phân định rõ trách nhiệm giữa trung ương và địa phương, kết hợp quản lý nhà nước với ứng dụng dữ liệu đo lường và quản lý theo mức độ rủi ro.
- Góp phần nâng cao năng lực tự bảo đảm đo lường của doanh nghiệp, hỗ trợ kiểm soát chất lượng, phòng ngừa rủi ro và nâng cao trách nhiệm giải trình đối với người tiêu dùng.

3. Chính sách 3: Phân định thẩm quyền quản lý nhà nước về đo lường và điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với thực tiễn

3.1. Mục tiêu của chính sách

Thể chế hóa đầy đủ việc phân định thẩm quyền giữa trung ương và chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực đo lường; điều chỉnh các quy định pháp luật liên quan nhằm bảo đảm triển khai hiệu quả mô hình quản lý đo lường mới, giảm chồng chéo, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

3.2. Nội dung chính sách

- Rà soát, điều chỉnh các quy định pháp luật về đo lường để phân định rõ thẩm quyền quản lý nhà nước giữa trung ương và chính quyền địa phương 2 cấp.
- Hoàn thiện cơ chế pháp lý về thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường theo hướng quản lý dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro.
- Điều chỉnh điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo hướng phù hợp với thực tiễn.
- Bãi bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận dấu định lượng nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

3.3. Giải pháp thực hiện

Giải pháp 1:

Sửa đổi, bổ sung các điều có liên quan trong Luật để bảo đảm phân cấp, phân quyền rõ ràng, hiệu quả; bảo đảm thống nhất với pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật về thanh tra và các pháp luật có liên quan.

Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, hàng đóng gói sẵn để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay tại các điều, khoản sau:

a) Về thanh tra

Sửa đổi khoản 1 Điều 50 vì không còn thanh tra bộ, sở, huyện.

Sửa đổi Điều 51. Đối tượng và nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đo lường:

Sửa đổi khoản 5 Điều 52 vì không còn Thanh tra bộ.

b) Về kiểm tra nhà nước về đo lường

Sửa đổi khoản 3 Điều 46: vì không còn UBND cấp huyện.

c) Lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2

Sửa đổi Điều 34. Yêu cầu về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

d) Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Sửa đổi Điều 25 về điều kiện hoạt động của tổ chức tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

Giải pháp 2: Điều chỉnh thẩm quyền và thủ tục chủ yếu thông qua văn bản dưới luật

Giải pháp này không đủ tính pháp lý trong Luật để xử lý căn bản các bất cập hiện nay, thiếu tính ổn định, dễ phát sinh rủi ro pháp lý trong tổ chức thực hiện.

Giải pháp 3: Giữ nguyên quy định hiện hành.

Giải pháp này không xử lý các bất cập hiện nay.

Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn **Giải pháp 1** với các lý do như sau:

- Bảo đảm thể chế hóa đầy đủ và kịp thời yêu cầu phân cấp, phân quyền theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; khắc phục triệt để khoảng trống pháp lý phát sinh khi thay đổi tổ chức bộ máy và hệ thống thanh tra.

- Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, ổn định và lâu dài, bảo đảm sự phù hợp,

đồng bộ với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thanh tra và các pháp luật có liên quan.

- Khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải trong quản lý; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang quản lý dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, loại bỏ các quy định không còn phù hợp (như thủ tục cấp giấy chứng nhận dấu định lượng), qua đó giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Như vậy, các nội dung của chính sách được đề xuất sửa đổi, bổ sung tại dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường nhằm thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ trong việc: “*Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng*” theo Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư, “*sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật*” theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, “Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết” theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, “*Đẩy mạnh các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó ưu tiên triển khai mạnh mẽ hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với công nghiệp 4.0, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*” theo Nghị quyết 154/NQ-CP năm 2025 ngày 31/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ, “*Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo*” theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, “*đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước*” theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Đồng thời, nội dung chính sách cũng không có quy định ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh của đất nước và cam kết điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Việc sửa đổi Luật Đo lường góp phần hoàn thiện đồng bộ 03 trụ cột tiêu chuẩn - đo lường - đánh giá sự phù hợp/công nhận trong Hạ tầng chất lượng quốc gia; thúc đẩy quản lý dựa trên dữ liệu, tăng năng lực cảnh báo sớm, bảo vệ người tiêu dùng và tạo thuận lợi thương mại.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường không làm phát sinh nhu cầu tăng chi ngân sách đột biến, chủ yếu cơ cấu lại, lồng ghép

và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực hiện có, đồng thời tăng cường huy động nguồn lực xã hội. Kinh phí thực hiện Luật nằm trong khả năng cân đối của ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành.

(1) Chính sách 1 – Chuyển đổi số toàn diện hoạt động đo lường

Nguồn lực: Sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số và nguồn nhân lực chuyển đổi số đã được đầu tư trong các chương trình chuyển đổi số quốc gia; không yêu cầu đầu tư mới đồng loạt.

Kinh phí: Chủ yếu phục vụ xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu và tích hợp hệ thống; được lồng ghép trong dự toán chi thường xuyên và các chương trình chuyển đổi số, chi phí tăng thêm ở mức hợp lý và có lộ trình.

Đánh giá: Khả thi, lâu dài giúp giảm chi phí quản lý và chi phí tuân thủ cho cả Nhà nước và doanh nghiệp.

(2) Chính sách 2 – Nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia, phát huy vai trò doanh nghiệp

Nguồn lực: Kết hợp ngân sách nhà nước với nguồn lực xã hội hóa; phát huy mạnh mẽ đầu tư, tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng và vận hành năng lực đo lường.

Kinh phí: Không làm tăng đáng kể gánh nặng ngân sách do chuyển từ cơ chế Nhà nước đầu tư đơn lẻ sang đồng đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ, hợp tác công – tư.

Đánh giá: Bền vững, hiệu quả, giảm phụ thuộc vào ngân sách, phù hợp chủ trương “doanh nghiệp là trung tâm”.

(3) Chính sách 3 – Phân định thẩm quyền, điều chỉnh quy định cho phù hợp thực tiễn

Nguồn lực: Chủ yếu là nguồn lực tổ chức thực hiện và nhân sự hiện có; không đòi hỏi đầu tư lớn về tài chính.

Kinh phí: Chi phí phát sinh thấp, chủ yếu cho rà soát, sửa đổi văn bản, tập huấn và tuyên truyền; bù lại giúp giảm chi phí tuân thủ và chi phí quản lý chồng chéo.

Đánh giá: Tính khả thi cao, hiệu quả ngay trong ngắn hạn.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, THÔNG QUA

Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất trình Chính phủ vào tháng 5 năm 2026, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội vào tháng 7 năm 2026 và trình thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XVI tháng 10 năm 2026.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về chính sách dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ

xem xét, quyết định.

(Tài liệu trình kèm: (1) Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật đo lường; (2) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung bổ sung một số điều của Luật Đo lường; (3) Báo cáo đánh giá tác động, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Luật Bưu chính (thay thế); (4) Bản Thuyết minh quy phạm hóa chính sách)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Xuân Định